

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2022
V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hòa

Bà Trần Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**
Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Hiện đang cư trú và lao động tại Nhật Bản

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 115 B, đường P, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị H có lý do, vắng mặt anh Nguyễn Văn S không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn S trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn

chị H và anh S chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh S, chị H ở nhà nội trợ còn anh S làm việc tại Công ty cổ phần Sao Mai ở số 115 B, đường P, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2012 chị H vào thành phố V sống cùng anh S, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, anh S không quan tâm đến gia đình vợ con, anh còn tham gia chơi lô đề, cờ bạc, đến ngày 25-6-2018 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, tháng 11 năm 2018 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh S không quan tâm gì đến con cái, gia đình, bỏ mặc các con cho gia đình chị nuôi dưỡng chăm sóc. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung cháu Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 08-4-2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 27-6-2013, hiện nay hai con chung đang do bố mẹ chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị H trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay chị Trần Thị H đang cư trú và lao động tại Nhật Bản, chị tranh thủ thời gian nghỉ phép trở về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn nên chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt.

* Tại đơn đề nghị ngày 10 tháng 6 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S và chị Trần Thị H đăng lý kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung cháu Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2013, nay chị Trần Thị H đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và đã có đơn xin ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn S trình bày vợ chồng anh có vay của ông Trần Xuân B tại địa chỉ số 110, C, phường 8, thành phố V số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). số vàng 06 chỉ mượn của cô ruột do chính tay chị H nhận và đến nay chưa trả được. Chị H phải có trách nhiệm cùng với anh trả số tiền, vàng trên cùng lãi (nếu có) cho ông Trần Xuân B và cô ruột của anh, mỗi người chịu một nửa 50%. Nếu chị H không thừa nhận số nợ vay mượn trên thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định phối hợp cùng Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác minh cụ thể.

* Sau khi nhận được đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn S ngày 10 tháng 6 năm 2022. Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 19/TB- TA ngày

13-6-2022 về nghĩa vụ tài sản gửi cho anh S và gia đình anh nhận. Toà án đã Ủy thác cho Toà án nhân dân thành phố V giao thông báo này cho anh S nhưng do anh S thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ nơi tạm trú nên buộc Toà án nhân dân thành phố V phải tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết anh S không nộp tiền tạm ứng án phí về nghĩa vụ tài sản theo thông báo của Toà án.

* Tại biên bản làm việc ngày 01-6-2022 với ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh S) trình bày: Anh S đang làm việc tại Công ty cổ phần Sao Mai ở số 115 B, đường P, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được khoảng 10 năm, anh S và chị H kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, sau khi kết hôn anh S đi làm ăn tại thành phố V. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị không có mâu thuẫn gì, cách đây 3 năm ông thấy chị H về làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng anh, chị có hai con chung Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 2010 và Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2013, hai cháu đang ở với ông bà ngoại ở xóm Văn Khoa, xã H từ bé đến nay. Hiện nay tại địa phương anh S và chị H không có tài sản chung. Toà án giao các văn bản tố tụng cho anh S thì gia đình ông sẽ nhận thay và có trách nhiệm thông báo cho anh S biết và nhận để anh S thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S. Con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Phương H1 và cháu Nguyễn Thị Phương A cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà được quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con. Tài sản chung của chị H và anh S không có nên không cần đề cập, giải quyết. Về công nợ anh S có yêu cầu Toà án giải quyết nhưng anh không nộp tiền tạm ứng án phí về nghĩa vụ tài sản nên Toà án không xem xét, giải quyết. Án phí chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có hai con chung cháu Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 08-4-2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 27-6-2013. Hiện nay, hai con chung đang do bố mẹ chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị không yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

[5] Xét nguyện vọng của chị Trần Thị H trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Nguyễn Thị Phương H1 và cháu Nguyễn Thị Phương A đang do bố mẹ chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản cho đến nay, các cháu vẫn đang được ăn học, cư trú ổn định quen với môi trường sống, hai con chung của vợ chồng anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc dạy bảo của người thân. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau và kể từ khi sống ly thân anh S không quan tâm chăm sóc các con, hiện nay anh S vẫn thường đi làm ăn xa nhà tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bản thân anh chưa có nơi cư trú cố định, nghề nghiệp và thu nhập lại không ổn định, anh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng của chị H và hai con là chính đáng và hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của hai con chung nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Phương H1 và cháu Nguyễn Thị Phương A cho chị H tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét đề nghị của chị H là hoàn toàn tự nguyện. Do đó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S trình bày vợ chồng anh, chị không có tài sản chung nên về phần tài sản chung của vợ chồng chị H, anh S Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về công nợ: Chị Trần Thị H trình bày vợ chồng chị không có công nợ chung, anh Nguyễn Văn S trình bày vợ chồng anh có vay của ông Trần Xuân B ở thành phố V số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), 06 chỉ vàng mượn của cô ruột. Chị H phải có trách nhiệm cùng với anh trả số tiền, vàng mỗi người chịu một nửa 50%. Sau khi nhận được đơn đề nghị của anh S. Toà án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về nghĩa vụ tài sản gửi cho anh S và gia đình anh nhận. Toà án đã Ủy thác cho Toà án nhân dân thành phố V giao thông báo này cho anh S nhưng do anh S thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ nơi tạm trú nên Toà án nhân dân thành phố V đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết nhưng anh S không nộp tiền tạm ứng án phí về nghĩa vụ tài sản nên Toà án không xem xét, giải quyết về số nợ anh S đề nghị. Sau này giữa anh S và chị H sẽ tự thương lượng, thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không tự giải quyết được thì các bên có quyền làm đơn đề nghị Toà án giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Phương H1, sinh ngày 08-4-2010 và cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 27-6-2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H mà được quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006743 ngày 09-5-2022 của

Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng